TỈNH UỶ HƯNG YÊN	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*	
Số 04 - ĐA/TU	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN

Thực hiện hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số" - đảng viên kết nối với người dân trong tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số đang tạo ra yêu cầu cấp thiết về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao kỹ năng số cho người dân. Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" (Phong trào), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên đã ban hành nhiều chủ trương, kế hoạch nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và phổ cập tri thức số trên địa bàn tỉnh.

Sau hơn một năm triển khai, Phong trào đã đạt nhiều kết quả tích cực; nhận thức về chuyển đổi số được nâng lên, hoạt động phổ cập kiến thức, kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng, dịch vụ số được triển khai rộng khắp. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện chưa đồng đều giữa các địa phương; kỹ năng số của người dân còn chênh lệch, nhất là đối với việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng ở một số nơi còn hạn chế; hạ tầng, nguồn lực và đặc biệt là việc phát huy vai trò của đảng viên trong hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng số chưa được tổ chức thống nhất, hiệu quả.

Trong bối cảnh tỉnh Hưng Yên đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/ TW, việc xây dựng Đề án "Thực hiện hiệu quả Phong trào "Bình dân học vụ số" - đảng viên kết nối với người dân trong tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030" là cần thiết nhằm phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, nhất là đảng viên trẻ trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nền tảng, dịch vụ và kỹ năng số; góp phần xây dựng công dân số, xã hội số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện và phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các văn bản chỉ đạo của Trung ương

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Kế hoạch số 94-KH/BTGDVTW, ngày 28/5/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh Phong trào "Bình dân học vụ số".

- Kế hoạch số 139-KH/BTGDVTW, ngày 16/7/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương về đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về phong trào "Bình dân học vụ số".

2. Các văn bản chỉ đạo của tỉnh

- Quyết định số 1460-QĐ/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh.

- Quyết định số 16-QĐ/TU, ngày 27/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên.

- Kế hoạch số 386-KH/TU, ngày 13/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Kế hoạch số 433-KH/TU, ngày 11/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 65-KH/TU, ngày 22/4/2026 về kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Kế hoạch số 416-KH/TU, ngày 22/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 63-KH/TU, ngày 22/4/2026 về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2028.

- Kế hoạch số 443-KH/TU, ngày 25/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

- Kế hoạch số 440-KH/TU, của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ngày 20/6/2025 về triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 64-KH/TU, ngày 22/4/2026 về tiếp tục triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Công văn số 569-CV/TU, ngày 03/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tiếp tục đẩy mạnh Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Chương trình số 01-CTr/BCĐ, ngày 09/01/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Chương trình công tác năm 2026.

- Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, ngày 27/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên.

Phần thứ hai
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VIỆC TRIỂN KHAI PHONG TRÀO "BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ" TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI PHONG TRÀO

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên đã chủ động, kịp thời ban hành Kế hoạch số 440-KH/TU, ngày 20/6/2025 về triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Kế hoạch số 64-KH/TU, ngày 22/4/2026 về tiếp tục triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở định hướng của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ngành, địa phương đã cụ thể hóa thành hệ thống văn bản chỉ đạo sát hợp với thực tiễn cơ sở.[1]

Bên canh đó, công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện được triển khai nghiêm túc từ cấp tỉnh đến cơ sở với 53 cuộc kiểm tra, giám sát chuyên đề. Công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo được thực hiện đồng bộ; 100% các địa phương được khảo sát đã thành lập Ban Chỉ đạo/Tổ công tác và ban hành quy chế làm việc, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm cho từng cán bộ, đảng viên phụ trách từng địa bàn và nhóm đối tượng cụ thể. Sự vào cuộc quyết liệt của hệ thống chính trị đã bước đầu hình thành cơ chế vận hành thông suốt, đưa công tác phổ cập kỹ năng số trở thành nhiệm vụ chính trị thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN

[1] Qua khảo sát tại 76 xã, phường, toàn tỉnh đã ban hành 1.085 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số", trong đó 31 nghị quyết của cấp ủy, 429 kế hoạch triển khai, 38 chương trình hành động, 280 công văn chỉ đạo và 307 văn bản chuyên đề khác.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

THỨC VỀ "BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ"

Công tác tuyên truyền, quán triệt được xác định là khâu đột phá nhằm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số. Phong trào được tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức thông qua hội nghị báo cáo viên, sinh hoạt chi bộ, hội nghị trực tuyến, hệ thống truyền thanh cơ sở, báo chí, cổng thông tin điện tử và các nền tảng số.[2]

Toàn tỉnh đã xây dựng khoảng 7.400 tin, bài, chương trình truyền thông đa dạng. Phương thức tiếp cận cộng đồng cũng được tổ chức linh hoạt dưới nhiều hình thức: tổ chức 1.647 buổi tuyên truyền trực tiếp tại các nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng; phát sóng 4.671 tin, bài trên hệ thống truyền thanh cơ sở và đài truyền hình địa phương; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng không gian số với 1.211 lượt truyền thông qua các nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo...). Sự kết hợp linh hoạt giữa truyền thông truyền thống và truyền thông số đã tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, giúp người dân từng bước xóa bỏ tâm lý e ngại công nghệ, chuyển từ "được vận động" sang "chủ động tiếp cận" và học hỏi kỹ năng số.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHỔ CẬP TRI THỨC, KỸ NĂNG SỐ VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC ỨNG DỤNG THỰC TIỄN CỦA NHÂN DÂN

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được triển khai rộng khắp, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và hướng dẫn thực hành. Ở cấp tỉnh và các sở, ngành, toàn tỉnh đã tổ chức 336 lớp tập huấn chuyên sâu, thu hút hơn 40.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức và người dân tham gia. Tại 76 xã, phường được khảo sát đã mở 596 lớp tập huấn cho 64.514 lượt người và tổ chức 2.761 buổi tuyên truyền, hướng dẫn thực hành với sự tham gia của 140.558 lượt người dân.

Nội dung phổ cập được thiết kế thiết thực, bám sát nhu cầu đời sống như: sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Toàn tỉnh đã thiết lập các điểm hỗ trợ chuyển đổi số và thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng[3] (CNSCĐ) phủ khắp 100% thôn, tổ dân phố. Toàn tỉnh huy động được lực lượng nòng cốt khoảng 2.000 cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên và lực lượng công an trực tiếp tham gia hỗ trợ cộng đồng.

Thông qua phương châm *"Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người"*, các lực lượng nòng cốt đã đạt được những kết quả rất cụ thể: Qua thống kê khảo sát tại 76 xã, phường, các Tổ CNSCĐ đã trực tiếp hướng dẫn kỹ năng số tại hộ gia đình và các điểm hỗ trợ cho 548.057 lượt người dân; trên 500.000 đoàn viên, hội viên và người dân đã hoàn thành việc phổ cập tri thức số trên nền tảng VNeID.

---

[2] Theo khảo sát tại 76 xã, phường, các cấp ủy đã tổ chức 1.821 hội nghị quán triệt, triển khai chuyên đề với 81.004 lượt cán bộ, đảng viên tham gia; 4.691 buổi sinh hoạt chi bộ lồng ghép nội dung Phong trào, giúp đội ngũ đảng viên nắm vững chủ trương, phát huy vai trò hạt nhân tuyên truyền ở từng khu dân cư.

[3] Qua khảo sát tại 76 xã phường, có 1209 điểm hỗ trợ chuyển đổi số và 1263 Tổ công nghệ số cộng đồng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tính đến hết tháng 7/2026, trên 70% người dân trong độ tuổi trưởng thành trên địa bàn tỉnh đã bước đầu nắm vững kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và khai thác thành thạo các nền tảng số thiết yếu.

IV. MỨC ĐỘ TIẾP CẬN HẠ TẦNG SỐ VÀ NĂNG LỰC ỨNG DỤNG KỸ NĂNG SỐ

Về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ Phong trào tại xã, phường: tỉnh đã tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng mạng cơ sở; 100% trụ sở UBND xã/phường, Đảng ủy đã được kết nối Internet cáp quang; 100% Bộ phận Một cửa cấp xã được trang bị máy in, máy quét phục vụ số hóa hồ sơ. Thống kê tại 76 xã, phường khảo sát cho thấy hệ thống kết nối đáp ứng tương đối tốt nhiệm vụ chuyên môn với 435 đường truyền Internet chuyên dụng (trong đó 427 đường truyền hoạt động ổn định) và 750 điểm Wifi công cộng được lắp đặt tại các khu vực trung tâm, nhà văn hóa (trong đó có 702 điểm đang vận hành tốt), tạo tiền đề kỹ thuật quan trọng phục vụ người dân học tập, thực hành kỹ năng số ngay tại địa bàn dân cư.

Về hạ tầng tiếp cận và trang bị thiết bị số của người dân: số người dân sử dụng điện thoại thông minh (smartphone) đạt tỷ lệ 85,7%; 100% học sinh từ cấp THCS trở lên trên địa bàn toàn tỉnh được tập huấn, trang bị kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, an ninh mạng và trí tuệ nhân tạo (AI)[4]. Số hộ gia đình có kết nối Internet cáp quang/băng rộng đạt 574.399 hộ, đạt tỷ lệ 65,95%; số người dân tham gia sử dụng mạng xã hội (Facebook, Zalo...) đạt 1.457.623 người, tương ứng 53,90% [5].

Về năng lực thực hành các kỹ năng số thiết yếu: Qua khảo sát tại 76 xã, phường, tỷ lệ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 69,98% (với 577.318 người); tỷ lệ người dân kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID đạt 67,18% (với 1.307.958 người); tỷ lệ người dân thực hiện giao dịch thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt đạt 56,13% (với 735.698 người).

V. PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ SÁNG TẠO VÀ CỦNG CỐ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ CƠ SỞ

Phong trào "Bình dân học vụ số" đã được triển khai với nhiều mô hình, sáng kiến hay từ cơ sở, phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng. Nhiều mô hình bước đầu khẳng định hiệu quả và được nhân rộng như: *"Tổ công nghệ số cộng đồng"*, *"Chợ số - Nông thôn số"*, *"Gia đình số"*, *"Chi hội số"*, *"Kết nối số - Mặt trận đồng hành cùng Nhân dân"*, *"Học sinh là tuyên truyền viên chuyển đổi số"*, *"1+30 thanh niên đồng hành cùng công dân số"*, *"Xã, phường chuyển đổi số toàn diện"*... Các mô hình này đã kết nối hiệu quả vai trò của đảng viên, đoàn viên thanh niên, lực lượng công an, hội viên phụ nữ, cựu chiến binh và ngành giáo dục trong việc đồng hành cùng người dân.

---

[4] Báo cáo số 290-BC/TU, ngày 20/6/2026 của Tỉnh ủy Hưng Yên sơ kết 01 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

[5] Qua kết quả khảo sát tại 76/104 xã, phường trên địa bàn tỉnh

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

VI. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, việc triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh vẫn còn bộc lộ nhiều điểm nghẽn, hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và tính bền vững của quá trình chuyển đổi số toàn diện.

1. Hạn chế

- Chất lượng phổ cập kỹ năng số chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng và địa bàn. Nhận thức, khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ số của người dân còn có sự chênh lệch. Mặc dù công tác phổ cập đã phủ diện rộng, nhưng khả năng tiếp cận hạ tầng số cơ bản của người dân vẫn còn khoảng cách tương đối lớn. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng mới dừng lại ở 65,95%. Điều này đồng nghĩa với việc vẫn còn khoảng 35% người dân và hộ gia đình đang nằm ngoài khả năng tiếp cận các nền tảng hạ tầng số thiết yếu.

Tỷ lệ người dân phát sinh giao dịch thanh toán điện tử mới đạt 56,13%. Đại bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi, lao động phổ thông và người dân khu vực nông thôn, mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng thiết bị thông minh cho các nhu cầu giải trí hay liên lạc cơ bản. Tỷ lệ người dân tự thao tác nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, thực hiện giao dịch tài chính số hay khai thác các dịch vụ số công ích một cách độc lập còn rất thấp; phần lớn vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào sự làm thay, hỗ trợ trực tiếp từ cán bộ cơ sở và lực lượng nòng cốt.

- Trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin cấp xã xuống cấp và thiếu hụt nghiêm trọng. Hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ máy chính quyền cơ sở - nơi trực tiếp triển khai Phong trào và phục vụ Nhân dân đang trở thành điểm nghẽn kỹ thuật lớn nhất. Thống kê chi tiết tại 76 xã, phường cho thấy tỷ lệ thiết bị xuống cấp, hư hỏng ở mức đáng báo động.[6]

Qua khảo sát, các địa phương còn thiếu khoảng hơn 4000 máy tính để bàn cùng máy chiếu, máy scan, máy in, máy photocopy, các thiết bị chuyên dụng để phục vụ công tác chuyển đổi số và số hóa tài liệu cơ sở. Tình trạng cán bộ, công chức phải dùng chung máy tính cá nhân để làm việc vẫn còn, nhiều Nhà văn hóa thôn/tổ dân phố chưa được trang bị kết nối Internet và máy tính thực hành vẫn diễn ra phổ biến, gây cản trở lớn đến việc hình thành các điểm hỗ trợ số cộng đồng chuẩn hóa.

- Nguồn nhân lực chuyển đổi số cơ sở mỏng, kiêm nhiệm và hạn chế về năng lực. Đội ngũ nhân lực trực tiếp tham gia tham mưu và tổ chức thực hiện Phong trào ở cấp xã vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về năng lực chuyên môn. Chất lượng

[6] Qua khảo sát tại 76 xã, phường, máy tính để bàn: 1.144/5.105 máy bị hỏng hoặc lỗi thời (chiếm tỷ lệ 22,4%); máy in: 710/4.092 máy hỏng (chiếm 17,35%); thiết bị khác: 66/514 máy tính xách tay bị hỏng và 48 điểm Wifi công cộng ngưng hoạt động do không được duy tu, bảo trì.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nguồn nhân lực cũng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn[7]. Mặt khác, hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng chưa đồng đều; năng lực công nghệ và kỹ năng sư phạm giữa các thành viên có sự chênh lệch lớn. Khối lượng công việc hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp tại địa bàn hiện nay đang bị dồn áp lực rất lớn vào lực lượng Công an xã và Đoàn Thanh niên, chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn thể đội ngũ đảng viên tại cơ sở.

- Việc duy trì và phát huy hiệu quả các mô hình của Phong trào chưa thật sự đồng đều. Một số địa phương chưa duy trì thường xuyên các hoạt động phổ cập kỹ năng số; việc nhân rộng các mô hình hiệu quả và phát huy vai trò tiên phong của đội ngũ đảng viên trong hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng số chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

2. Nguyên nhân

Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan.

- Nguyên nhân khách quan*:* Chuyển đổi số là lĩnh vực mới, tốc độ phát triển của khoa học, công nghệ và các nền tảng số rất nhanh, trong khi khả năng thích ứng của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân còn chậm. Tình trạng lừa đảo trên không gian mạng ngày càng tinh vi, nguy cơ mất an toàn thông tin diễn biến phức tạp cũng làm cho nhiều người dân còn tâm lý e ngại khi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số. Bên cạnh đó, việc bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai Phong trào còn gặp khó khăn, nhất là sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, ảnh hưởng đến việc đầu tư cơ sở vật chất và tổ chức các hoạt động thường xuyên.

- Nguyên nhân chủ quan*:* Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và người dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số và Phong trào "Bình dân học vụ số" chưa đầy đủ; công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số địa phương chưa quyết liệt. Nguồn nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số ở cơ sở còn thiếu, chủ yếu kiêm nhiệm; cơ chế phối hợp, chính sách hỗ trợ và huy động nguồn lực xã hội cho Phong trào chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; chưa phát huy vai trò nòng cốt của đảng viên, việc huy động và tổ chức cho đội ngũ đảng viên trực tiếp tham gia tuyên truyền, hướng dẫn, "Cầm tay chỉ việc" hỗ trợ người dân chưa được triển khai bài bản, chưa tạo thành quy chế bắt buộc hay tiêu chí gắn với đánh giá xếp loại đảng viên hằng năm.

---

[7]Hiện chỉ có 27/104 xã, phường bố trí được công chức chuyên trách công nghệ thông tin/chuyển đổi số; 77 xã/phường còn lại phải bố trí kiêm nhiệm. Qua khảo sát tại 76 xã, phường, phần lớn cán bộ phụ trách chuyển đổi số ở cấp xã chỉ đạt mức độ đáp ứng nhiệm vụ ở mức trung bình.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Phần thứ ba
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên trẻ trong triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số"; xây dựng mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" trở thành hoạt động thường xuyên, nền nếp của các tổ chức cơ sở đảng trên địa bàn tỉnh. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nền tảng, dịch vụ số và trang bị kỹ năng số thiết yếu, đặc biệt là việc sử dụng các dịch vụ công thiết yếu; từng bước thu hẹp khoảng cách số giữa các nhóm đối tượng, nâng cao năng lực số của Nhân dân, xây dựng công dân số, cộng đồng số và xã hội số. Qua đó, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về xây dựng mô hình "Đảng viên kết nối với người dân":

+ 100% chi bộ thôn, tổ dân phố triển khai thực hiện mô hình *"Đảng viên kết nối với người dân"*. Trong đó, trên **95%** mô hình *"Đảng viên kết nối với người dân"* hoạt động thực chất, hiệu quả, nền nếp thường xuyên (phân công đảng viên trực tiếp thực hiện hoặc giữ vai trò kết nối với nhóm đảng viên, thanh niên có trình độ công nghệ thông tin để hỗ trợ người dân trong việc sử dụng thành thạo các dịch vụ công trực tuyến và công nghệ thông tin, mỗi tháng hướng dẫn ít nhất 10 người biết sử dụng thành thạo các nền tảng và dịch vụ số cơ bản phục vụ công việc và đời sống).

+ **100%** đảng viên có năng lực, trình độ công nghệ thông tin và nền tảng số đều được phân công phụ trách, hỗ trợ người dân và hộ gia đình (mỗi đảng viên phụ trách từ 10-15 hộ gia đình), các đảng viên khác tùy theo khả năng, được phân công để tuyên truyền, kết nối, hỗ trợ người dân.

+ **100%** Bí thư, Phó Bí thư, Chi ủy viên chi bộ thôn, tổ dân phố và đảng viên được phân công phụ trách hộ gia đình được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số và phương pháp, nghiệp vụ hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng.

- Về hạ tầng và thiết chế "Bình dân học vụ số":

+ 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh xây dựng, đưa vào vận hành điểm *"Bình dân học vụ số"* tại trung tâm phục vụ hành chính công.

Các điểm *"Bình dân học vụ số"* xã, phường vừa thực hiện hoạt động hỗ trợ người dân, đồng thời thực hiện chức năng điều phối, hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, tổ dân phố, đảm bảo phù hợp,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

thuận tiện cho việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân.

+ 100% thôn, tổ dân phố trên địa bàn xây dựng các điểm *"Bình dân học vụ số"* đặt tại nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, hoặc địa điểm phù hợp để tăng cường kết nối và nâng cao hiệu quả hỗ trợ người dân.

+ **100%** Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố thường xuyên được củng cố, bổ sung, kiện toàn; trong đó 80% trở lên Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

+ 100% các trường THPT, cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh được kết nối với người dân thông qua lực lượng học sinh, sinh viên tham gia hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng, dịch vụ số cơ bản.

- **Về phổ cập kỹ năng số cho Nhân dân** (xây dựng công dân số):

+ Trên **80%** người dân trong độ tuổi trưởng thành sử dụng thành thạo các dịch vụ số thiết yếu (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử, bảo vệ an toàn thông tin cá nhân…).

+ Trên **90%** hộ gia đình có nhu cầu được tiếp cận kết nối Internet băng rộng và được đảng viên phụ trách/Tổ công nghệ số cộng đồng trực tiếp hướng dẫn kỹ năng số.

+ **100%** học sinh THCS, THPT và học viên giáo dục thường xuyên được trang bị đầy đủ kỹ năng số thiết yếu, phát huy vai trò *"Hướng dẫn viên số"* hỗ trợ gia đình và cộng đồng.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm giải pháp chung

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng trong triển khai Đề án; xác định thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" và mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn với công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị và thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn; phân công rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; xác định cụ thể mục tiêu, tiến độ, sản phẩm và kết quả thực hiện. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Đưa kết quả thực hiện Đề án và mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" vào tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức hằng năm; lấy hiệu quả hỗ trợ người dân và mức độ hài lòng của người dân làm một trong những căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm

- Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung và

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lợi ích thiết thực của Phong trào "Bình dân học vụ số", tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cả hệ thống chính trị; làm rõ chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước mà còn là nhu cầu, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và người dân.

- Đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền theo hướng ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu, dễ thực hiện; tăng cường ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống truyền thanh cơ sở, infographic, video, podcast và các hình thức truyền thông hiện đại. Lồng ghép nội dung Đề án trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể, hội nghị Nhân dân, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền với hướng dẫn, thực hành và hỗ trợ trực tiếp, lấy nhu cầu thực tế của người dân, phục vụ người dân làm trọng tâm; khắc phục tình trạng tuyên truyền hình thức, thiếu tính thực tiễn hoặc không gắn với khả năng ứng dụng.

1.3. Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên

- Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong học tập, ứng dụng công nghệ số và tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số"; mỗi đảng viên phải sử dụng thành thạo các nền tảng số thiết yếu, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng số và trở thành hạt nhân tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong cộng đồng. Tổ chức cho đảng viên đăng ký nội dung, địa bàn hoặc nhóm đối tượng hỗ trợ phù hợp với chuyên môn, điều kiện và nơi cư trú (phân công mỗi đảng viên phụ trách từ 5 - 10 hộ gia đình trở lên hoặc nhóm công dân nơi cư trú); ưu tiên hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm an toàn thông tin, nhận diện và phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), thương mại điện tử và các nền tảng số phục vụ học tập, sản xuất, kinh doanh.

Việc hỗ trợ được thực hiện theo phương châm "Cầm tay chỉ việc - hướng dẫn đến đâu, thực hành đến đó - chỉ kết thúc khi người dân tự thực hiện được", bảo đảm thiết thực, hiệu quả và bền vững (mỗi tháng mỗi đảng viên phải hướng dẫn thành công cho 5 - 10 người dân). Khuyến khích phát huy vai trò của đảng viên trẻ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú, đảng viên có chuyên môn về công nghệ thông tin, giáo dục, y tế, ngân hàng, thương mại điện tử và quản lý nhà nước trong hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng số.

1.4. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và các lực lượng xã hội

- Thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng, các cơ sở giáo dục, các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có chuyên môn nhằm huy động sức mạnh tổng hợp trong triển khai Đề án.

- Phân định rõ trách nhiệm của từng lực lượng: Cơ chế đảng lãnh đạo, định

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hướng và phân công đảng viên; chính quyền bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân; Đoàn Thanh niên phát huy vai trò xung kích của đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên trong hỗ trợ phổ cập kỹ năng số; Tổ công nghệ số cộng đồng trực tiếp hướng dẫn người dân tại cơ sở; các trường đại học, cao đẳng hỗ trợ chuyên môn, học liệu và lực lượng tình nguyện; doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp viễn thông đồng hành chuyển giao công nghệ, nền tảng số, hạ tầng, thiết bị và nguồn lực xã hội hóa.

- Duy trì cơ chế trao đổi thông tin, phối hợp, sơ kết, tổng kết và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả giữa các lực lượng tham gia.

1.5. Bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình phổ cập kỹ năng số

- Lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng trong toàn bộ chương trình tập huấn, học liệu và hoạt động phổ cập kỹ năng số; nâng cao nhận thức, kỹ năng tự bảo vệ của người dân khi tham gia môi trường số.

- Tập trung hướng dẫn các kỹ năng thiết yếu như bảo vệ tài khoản cá nhân, thiết lập mật khẩu mạnh, xác thực đa yếu tố, bảo vệ mã OTP, kiểm tra nguồn thông tin, nhận diện các phương thức lừa đảo, tin giả, đường dẫn giả mạo và kỹ năng xử lý khi gặp sự cố trên không gian mạng; góp phần xây dựng môi trường số an toàn, lành mạnh và tin cậy.

- Hướng dẫn người dân sử dụng chữ ký số cá nhân và các phương thức xác thực an toàn trong giao dịch dịch vụ công, giao dịch tài chính số; phối hợp gắn mã QR tra cứu an toàn thông tin tại các Điểm "Bình dân học vụ số".

2. Nhóm giải pháp trọng tâm

2.1. Triển khai mô hình "Đảng viên kết nối với người dân"

- Đây là giải pháp trọng tâm của Đề án nhằm phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên trong phổ cập kỹ năng số cho Nhân dân. Mỗi đảng viên được phân công phụ trách nội dung, địa bàn hoặc nhóm đối tượng cụ thể để trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ hoặc phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng và dịch vụ số thiết yếu.

- Cấp ủy cơ sở căn cứ đặc điểm địa bàn, số lượng đảng viên và nhu cầu của người dân để phân công phù hợp, ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, người yếu thế, người lao động phổ thông, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ và người chưa sử dụng thành thạo các dịch vụ số thiết yếu. Nội dung hỗ trợ tập trung vào các kỹ năng gần gũi với đời sống như sử dụng điện thoại thông minh, VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, tra cứu thông tin, chăm sóc sức khỏe số, thương mại điện tử, học tập trực tuyến, sử dụng AI và bảo đảm an toàn trên môi trường mạng.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Đảng viên có trách nhiệm khảo sát nhu cầu, kết nối các lực lượng hỗ trợ khi cần thiết, theo dõi kết quả và tiếp tục đồng hành cho đến khi người dân có thể tự sử dụng các nền tảng, dịch vụ số; khắc phục tình trạng hướng dẫn một lần nhưng không đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ.

- Đảng viên là lực lượng tiên phong, nòng cốt trong chỉ đạo, triển khai hoạt động của các điểm *"Bình dân học vụ số",* Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn dân cư; kết quả thực hiện được theo dõi, đánh giá và gắn với việc đánh giá, xếp loại đảng viên hằng năm.

2.2. Xây dựng và vận hành điểm "Bình dân học vụ số"

- Xây dựng **1.419** điểm "Bình dân học vụ số" tại **104** trung tâm phục vụ hành chính công ở cấp xã và **1.315** thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, tạo không gian học tập, thực hành và hỗ trợ chuyển đổi số cho người dân. Các điểm "Bình dân học vụ số" được bố trí tại nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, trung tâm học tập cộng đồng hoặc địa điểm phù hợp, thuận tiện cho việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân. Đồng thời được trang bị máy vi tính, trang thiết bị, kết nối internet, học liệu số và lực lượng hỗ trợ có phương án duy tu, bảo trì thường xuyên, tạo không gian học tập, thực hành, hướng dẫn chuyển đổi số cho người dân, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng mục đích.

- Điểm "Bình dân học vụ số" là nơi tổ chức các lớp học, hướng dẫn thực hành, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, AI, thương mại điện tử, khai thác các nền tảng học tập và nâng cao kỹ năng bảo đảm an toàn trên môi trường số.

- Nghiên cứu và từng bước sử dụng các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Trợ lý ảo hỗ trợ trả lời tự động các câu hỏi thường gặp của người dân về thủ tục hành chính tại các Điểm "Bình dân học vụ số", giảm tải áp lực cho cán bộ, đảng viên phụ trách điểm.

2.3. Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng

- Rà soát, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố; lựa chọn thành viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng hướng dẫn người dân.

- Xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ, lịch hỗ trợ định kỳ và cơ chế phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, đảng viên và điểm "Bình dân học vụ số".

- Đổi mới phương thức hoạt động theo hướng lấy hỗ trợ thực hành làm trọng tâm; duy trì phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người", kết hợp hỗ trợ lưu động và hỗ trợ thường xuyên tại điểm "Bình dân học vụ số".

2.4. Phát huy vai trò của các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, đoàn thanh niên các cấp

Tăng cường phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, đoàn thanh niên các cấp; trọng tâm là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Trường Đại học Thái Bình và Trường Đại học

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, nhằm hỗ trợ chuyên môn, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao tri thức phục vụ triển khai Đề án.

Các đơn vị tham gia đào tạo lực lượng nòng cốt; biên soạn học liệu; cử giảng viên, chuyên gia tham gia tập huấn; thành lập đội hình sinh viên tình nguyện; hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn ứng dụng AI, an toàn thông tin, thương mại điện tử và nghiên cứu, đánh giá hiệu quả các mô hình.

Tổ chức các chương trình "Thanh niên với Bình dân học vụ số", "Mùa hè số", "Ngày cuối tuần hỗ trợ chuyển đổi số", "Giảng viên đồng hành cùng Tổ công nghệ số cộng đồng", phát huy vai trò xung kích của đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên trong phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng.

2.5. Xây dựng chương trình, học liệu theo từng nhóm đối tượng

- Rà soát, chuẩn hóa và xây dựng chương trình, học liệu phổ cập kỹ năng số phù hợp với từng nhóm đối tượng; bảo đảm nội dung ngắn gọn, thiết thực, tăng cường thực hành, dễ tiếp cận và đáp ứng nhu cầu thực tế của người học.

- Mỗi chuyên đề xác định rõ mục tiêu, kỹ năng cần đạt, sản phẩm đầu ra và phương thức kiểm tra, đánh giá; xây dựng học liệu riêng cho cán bộ, đảng viên, người cao tuổi, nông dân, công nhân, phụ nữ, thanh niên, học sinh, sinh viên, hộ kinh doanh, hợp tác xã, người khuyết tật và người dân ở vùng khó khăn; thường xuyên cập nhật kiến thức mới về AI, dữ liệu số, an toàn thông tin và các phương thức lừa đảo trên không gian mạng.

2.6. Tổ chức các lớp học và hoạt động thực hành tại cộng đồng

- Tổ chức linh hoạt các lớp học trực tiếp, trực tuyến và kết hợp; ưu tiên các lớp học quy mô nhỏ tại thôn, tổ dân phố và điểm "Bình dân học vụ số", phù hợp với nhu cầu, thời gian và điều kiện của từng nhóm đối tượng.

- Nội dung học tập tập trung vào thực hành các kỹ năng thiết yếu như sử dụng VNeID, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, bảo vệ tài khoản, nhận diện lừa đảo, thương mại điện tử và ứng dụng AI trong học tập, sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích tổ chức "Ngày hội học tập số", "Ngày hội công dân số", "Tuần lễ Bình dân học vụ số" và các đợt cao điểm hỗ trợ người dân.

2.7. Phát triển và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số cộng đồng

Lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số cộng đồng có hiệu quả như: "Hướng dẫn viên số, gia đình số, chi bộ số, khu dân cư số, chợ số, nông thôn số, làng thông minh, công dân số, Mỗi công dân - Một danh tính số, thanh niên xung kích chuyển đổi số cộng đồng"…; việc nhân rộng phải phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương, có tiêu chí đánh giá cụ thể và tránh triển khai hình thức.

2.8. Xây dựng hệ thống quản lý, theo dõi và đánh giá kết quả

Xây dựng bộ tiêu chí và công cụ theo dõi thống nhất trong toàn tỉnh để quản lý, đánh giá hiệu quả thực hiện Đề án; bảo đảm phản ánh đầy đủ mức độ tham gia của đảng viên, kết quả hỗ trợ người dân và hiệu quả hoạt động của các mô hình.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Theo dõi các nhóm chỉ số theo đúng Đề án gồm: số đảng viên tham gia; số người dân được hỗ trợ; số người dân tự thực hiện được sau hướng dẫn; số lớp học và lượt thực hành; tần suất hoạt động của điểm "Bình dân học vụ số"; số lượng thiết bị được sử dụng; số Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả; số mô hình được nhân rộng; mức độ hài lòng của người dân và kết quả theo từng nhóm đối tượng, từng địa bàn. Việc đánh giá không chạy theo số lượng người tham gia mà tập trung đo lường khả năng người dân biết làm, tự làm và sử dụng thường xuyên các nền tảng, dịch vụ số.

3. Các giải pháp hỗ trợ khác

3.1. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa

Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm tham gia hỗ trợ trang thiết bị, đường truyền internet, học liệu số, phần mềm, kinh phí và các điều kiện cần thiết phục vụ triển khai Đề án.

Xây dựng danh mục nhu cầu cụ thể theo từng địa phương; công khai đầu mối tiếp nhận, tiêu chuẩn kỹ thuật, nguyên tắc quản lý và phương án phân bổ, sử dụng nguồn lực bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tránh chồng chéo và lãng phí.

Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số, ngân hàng, thương mại điện tử và doanh nghiệp trên địa bàn ký kết chương trình phối hợp, đồng hành lâu dài trong đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển hạ tầng số thay vì chỉ hỗ trợ thiết bị một lần.

3.2. Bảo đảm kinh phí và điều kiện vận hành

Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; đồng thời lồng ghép với các chương trình, đề án về chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới, giáo dục cộng đồng, đào tạo nghề và các chương trình có liên quan nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Ưu tiên kinh phí cho các nội dung thiết yếu gồm: đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt; xây dựng và cập nhật học liệu số; duy trì kết nối internet; bảo trì, nâng cấp thiết bị; tổ chức các lớp học; công tác kiểm tra, đánh giá; tuyên truyền và nhân rộng mô hình. Bảo đảm kinh phí được quản lý, sử dụng đúng quy định, công khai, minh bạch và gắn với kết quả thực hiện.

3.3. Huy động doanh nghiệp công nghệ và viễn thông đồng hành

Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ, viễn thông tham gia cung cấp hạ tầng số, nền tảng học tập, giải pháp an toàn thông tin, chữ ký số, tài khoản sử dụng dịch vụ số và hỗ trợ kỹ thuật cho các điểm “Bình dân học vụ số”.

Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn, trải nghiệm công nghệ, hướng dẫn hộ kinh doanh, hợp tác xã và người dân ứng dụng thanh toán số, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số thiết yếu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên giữa chính quyền địa phương với doanh nghiệp trong việc bảo trì, nâng cấp hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật và duy trì hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số" theo địa bàn hoặc chương trình đồng hành cụ thể.

3.4. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

Xây dựng tiêu chí thi đua gắn với kết quả, chất lượng và hiệu quả thực chất trong triển khai Đề án; lấy kết quả hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số làm tiêu chí quan trọng trong đánh giá tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, đảng viên, đoàn viên, Tổ công nghệ số cộng đồng, giảng viên, sinh viên và doanh nghiệp tham gia. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có sáng kiến, mô hình hiệu quả, cách làm sáng tạo hoặc có nhiều đóng góp về nguồn lực, học liệu, thiết bị và hỗ trợ người dân tiếp cận kỹ năng số; đồng thời tăng cường tuyên truyền, nhân rộng các mô hình tiêu biểu để tạo sức lan tỏa trong toàn xã hội.

3.5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết và tổng kết

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và chuyên đề; tập trung đánh giá tiến độ, chất lượng triển khai, hiệu quả quản lý, khai thác thiết bị, sử dụng kinh phí, hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số" và trách nhiệm tham gia của đảng viên, cơ quan, đơn vị. Kết quả kiểm tra, giám sát là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, biểu hiện hình thức, chạy theo thành tích hoặc sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả.

Tổ chức sơ kết hằng năm, sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết Đề án vào năm 2030; trên cơ sở đó rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của công nghệ số.

3.6. Tổ chức khảo sát và tiếp nhận phản hồi của người dân

Định kỳ khảo sát nhu cầu, mức độ tiếp cận, khả năng sử dụng công nghệ số, những khó khăn, vướng mắc và mức độ hài lòng của người dân; đồng thời thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trực tiếp và trên môi trường số tại cấp xã, phường.

Kết quả khảo sát và phản hồi của người dân là cơ sở để điều chỉnh nội dung đào tạo, học liệu, phương thức tổ chức và thời gian triển khai phù hợp với từng nhóm đối tượng; ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật, người lao động phổ thông, người yếu thế và các nhóm còn hạn chế về kỹ năng số.

3.7. Bảo đảm tính bền vững của thiết bị và mô hình

Ban hành quy chế quản lý, khai thác, bảo quản và sử dụng tài sản tại các điểm "Bình dân học vụ số"; phân công rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cá nhân trong quản lý, vận hành.

Thực hiện quản lý đầy đủ hồ sơ thiết bị; xây dựng kế hoạch bảo trì, sửa chữa, cập nhật phần mềm và thay thế theo chu kỳ; ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung, phần mềm hợp pháp và giải pháp tiết kiệm chi phí vận hành.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Gắn việc duy trì hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số" với Trung tâm học tập cộng đồng, Tổ công nghệ số cộng đồng vào nhiệm vụ thường xuyên của chính quyền cấp xã nhằm bảo đảm hoạt động liên tục, hiệu quả, tránh tình trạng thiết bị được đầu tư nhưng không khai thác hoặc thiếu lực lượng hướng dẫn người dân.

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN
I. TIẾN ĐỘ, PHẠM VI THỰC HIỆN, NGUYÊN TẮC TRIỂN KHAI

1. Tiến độ thực hiện

- Giai đoạn 1 (từ Quý III năm 2026 đến hết năm 2026): Chuẩn bị và khởi động triển khai

Ban hành Kế hoạch triển khai Đề án; thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc (nếu cần); ban hành Quy chế hoạt động, cơ chế phối hợp và hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng mục tiêu, nội dung Đề án đến các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng số, trang thiết bị, nguồn nhân lực, nhu cầu học tập kỹ năng số của người dân; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và triển khai Đề án. Triển khai thí điểm thực hiện mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" tại các thôn, tổ dân phố của 10 xã, phường; thành lập và đưa vào hoạt động các điểm "Bình dân học vụ số", bảo đảm từng điểm được đầu tư trang thiết bị thiết yếu theo lộ trình của Đề án.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, Tổ công nghệ số cộng đồng, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, sinh viên và lực lượng tình nguyện viên tham gia phổ cập kỹ năng số.

Ký kết chương trình phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng và các đơn vị liên quan để huy động nguồn lực triển khai Đề án.

- Giai đoạn 2 (năm 2027-2028): Triển khai đồng bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả

Nhân rộng mô hình, từng bước vận hành hiệu quả hệ thống tại 100% điểm "Bình dân học vụ số" trên địa bàn toàn tỉnh.

Triển khai đồng bộ mô hình "Đảng viên kết nối với người dân", phát huy vai trò nòng cốt của đảng viên, Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn viên, hội viên, giảng viên, sinh viên trong hướng dẫn, hỗ trợ người dân học tập và sử dụng kỹ năng số.

Chuẩn hóa chương trình, nội dung, học liệu số theo từng nhóm đối tượng; đa dạng hóa hình thức đào tạo, hướng dẫn trực tiếp và trực tuyến.

Đẩy mạnh hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

dùng tiền mặt, định danh điện tử, thương mại điện tử và các nền tảng số thiết yếu; xây dựng, nhân rộng các mô hình: "Gia đình số", "Chi bộ số", "Làng thông minh", "Chợ số"… và các mô hình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Hoàn thiện hệ thống dữ liệu quản lý, theo dõi kết quả thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết giữa kỳ, đánh giá kết quả, kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Giai đoạn 3 (năm 2029-2030): Hoàn thiện, phát triển bền vững và nhân rộng

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" và các điểm "Bình dân học vụ số", bảo đảm hoạt động thường xuyên, ổn định và bền vững.

Tập trung hỗ trợ các nhóm còn hạn chế về kỹ năng số; thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực, nhóm dân cư; góp phần phát triển công dân số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

Đánh giá toàn diện hiệu quả thực hiện Đề án; hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách trong lĩnh vực chuyển đổi số.

Tổ chức tổng kết Đề án; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả mô hình sau năm 2030.

2. Phạm vi thực hiện

Đề án được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh Hưng Yên, tại 100% xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ trong phạm vi toàn tỉnh; lấy cấp thôn, tổ dân phố là địa bàn trực tiếp tổ chức thực hiện mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" và vận hành các điểm "Bình dân học vụ số".

3. Nguyên tắc triển khai

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và toàn xã hội trong tổ chức thực hiện Đề án.

Lấy người dân làm trung tâm, đảng viên làm nòng cốt, cấp thôn, tổ dân phố là địa bàn triển khai trực tiếp; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, phù hợp điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Gắn việc triển khai Đề án với thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phong trào "Bình dân học vụ số"; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội.

4. Đối tượng thực hiện và thụ hưởng.

4.1. Đối tượng thực hiện

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Các cấp ủy, tổ chức đảng.

- Chính quyền các cấp.

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

- Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng và các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đồng hành thực hiện Đề án.

4.2. Đối tượng thụ hưởng

Toàn thể Nhân dân trên địa bàn tỉnh; ưu tiên người cao tuổi, người khuyết tật, người lao động phổ thông, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân ở khu vực còn khó khăn trong tiếp cận công nghệ số và các nhóm yếu thế khác.

II. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Kinh phí thực hiện Đề án được bảo đảm từ các nguồn:

+ Ngân sách nhà nước theo phân cấp.

+ Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án về chuyển đổi số, cải cách hành chính, giáo dục, đào tạo, xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu khác.

+ Nguồn xã hội hóa từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

+ Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp viễn thông, ngân hàng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham gia tài trợ trang thiết bị, phần mềm, nền tảng số, học liệu, đường truyền Internet, nguồn nhân lực và kinh phí để xây dựng, duy trì hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số".

- Nguồn kinh phí xã hội hóa được ưu tiên đầu tư xây dựng **1.419** điểm "Bình dân học vụ số", huy động các thiết bị, đường truyền và hạ tầng cần thiết phục vụ hoạt động học tập, thực hành kỹ năng số của người dân. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Là cơ quan chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi việc triển khai thực hiện Đề án trên phạm vi toàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn; xây dựng kế hoạch triển khai, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Chủ trì hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng đưa nội dung thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" và mô hình "Đảng viên kết nối với người dân" vào chương trình công tác, sinh hoạt cấp ủy, chi bộ và đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan huy động từ nguồn xã hội hóa trang bị máy tính cho 100% số xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng nội dung tuyên truyền, tài liệu hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên tham gia thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các nền tảng truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung của Phong trào; kịp thời phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai Đề án.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- Chủ trì tham mưu, hướng dẫn chế độ thông tin, báo cáo; tổng hợp kết quả khảo sát, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án; đề xuất điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Đảng ủy Uỷ ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Chỉ đạo các sở, ngành và UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới và các nhiệm vụ có liên quan.

- Chỉ đạo bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp, đồng thời huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa; bảo đảm các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị và nhân lực phục vụ triển khai Đề án.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các cơ quan liên quan hướng dẫn chuyên môn, xây dựng chương trình đào tạo, học liệu số.

- Chỉ đạo tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ và các tổ chức có liên quan trong hỗ trợ hạ tầng, thiết bị, nền tảng, học liệu và nguồn lực phục vụ thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp xã xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, theo dõi kết quả thực hiện Đề án; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và báo cáo kết quả thực hiện Đề án theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai các nội dung chuyên môn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện Đề án.

- Chủ trì xây dựng, cập nhật chương trình, tài liệu, học liệu số phổ cập kỹ năng số.

- Chủ trì hướng dẫn xây dựng, vận hành và khai thác hiệu quả các điểm "Bình dân học vụ số"; hướng dẫn tiêu chuẩn cơ bản về hạ tầng, thiết bị, kết nối Internet, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phương pháp hướng dẫn người dân cho cán bộ, đảng viên, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng nòng cốt tham gia thực hiện Đề án.

- Chủ trì kết nối, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức khoa học và công nghệ trong việc hỗ trợ hạ tầng, nền tảng, thiết bị, học liệu số và các giải pháp công nghệ phục vụ triển khai Đề án.

- Phối hợp xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá kết quả thực hiện Đề án; theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai các nội dung về chuyển đổi số, định kỳ báo cáo UBND tỉnh và phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trong công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết Đề án.

- Chủ trì xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu theo dõi kết quả thực hiện Đề án; hướng dẫn các địa phương khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, đánh giá.

- Chủ trì khảo sát, đánh giá mức độ tiếp cận và kỹ năng số của người dân; phối hợp đề xuất giải pháp hoàn thiện học liệu, nền tảng số và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với từng nhóm đối tượng.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy xây dựng, hoàn thiện chương trình, tài liệu, học liệu phục vụ phổ cập kỹ năng số phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, trung tâm học tập cộng đồng tham gia triển khai Đề án; lồng ghép nội dung kỹ năng số vào các hoạt động giáo dục, học tập cộng đồng theo quy định.

- Huy động đội ngũ giáo viên, học sinh, học viên tham gia các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao kỹ năng số; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho lực lượng nòng cốt.

- Phối hợp đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng phổ cập kỹ năng số.

5. Sở Tài chính

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ và các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu lồng ghép nguồn kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội hóa phục vụ triển khai Đề án.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, chế độ hiện hành của nhà nước.

6. Sở Nội vụ

- Hướng dẫn đưa kết quả thực hiện Đề án vào nội dung đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cơ quan, đơn vị và cá nhân theo quy định.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ tham mưu đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Đề án.

7. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chất lượng đảng viên, công tác phát triển đảng viên, nhất là đảng viên trẻ; đưa việc triển khai thực hiện đề án thành tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm.

- Phối hợp tham mưu công tác biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, mô hình, điển hình tiêu biểu trong triển khai thực hiện đề án.

8. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án tại các đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế.

9. Văn phòng Tỉnh ủy

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp tham mưu đưa nội dung triển khai Đề án vào chương trình công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; chuẩn bị nội dung phục vụ các hội nghị, cuộc họp, sơ kết, tổng kết và các hoạt động chỉ đạo có liên quan.

- Phối hợp tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Đề án; tham mưu chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất phục vụ Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với Đề án; kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

10. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia Phong trào "Bình dân học vụ số"; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong phổ cập kỹ năng số cho người dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp hội, đoàn thể xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với từng đối tượng; lồng ghép các nội dung của Đề án với các phong trào thi đua, cuộc vận động và nhiệm vụ chính trị của từng tổ chức.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, định danh điện tử, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các kỹ năng số thiết yếu.

- Phát huy vai trò của đoàn viên, hội viên, lực lượng thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, nông dân và các lực lượng tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số" và Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Phối hợp giám sát việc thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai tại cơ sở.

- Phối hợp tổ chức khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của đoàn viên, hội viên và Nhân dân về chất lượng triển khai Đề án; tổng hợp kiến nghị, đề xuất gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh phối hợp với các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh, các ban, sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan huy động lực lượng đảng viên trẻ, đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên trong và ngoài tỉnh có trình độ công nghệ thông tin rà soát, chuẩn hóa và xây dựng chương trình, học liệu phổ cập kỹ năng số phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tổ chức các chương trình "Thanh niên với Bình dân học vụ số", "Mùa hè số", "Ngày cuối tuần hỗ trợ chuyển đổi số", "Giảng viên trẻ đồng hành cùng Tổ công nghệ số cộng đồng", phát huy vai trò xung kích của đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên trong phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng.

11. Các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các địa phương tham gia triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của đơn vị.

- Phát huy đội ngũ giảng viên, chuyên gia, sinh viên, học sinh tham gia hỗ trợ tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, định danh điện tử, trí tuệ nhân tạo và các kỹ năng số thiết yếu.

- Phối hợp xây dựng, cập nhật học liệu số, tài liệu hướng dẫn, chương trình bồi dưỡng, tập huấn; tham gia nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, mô hình, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án.

- Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng các mô hình, giải pháp mới về đào tạo kỹ năng số; tham gia đánh giá, tổng kết, nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Khuyến khích tổ chức các hoạt động tình nguyện, hoạt động phục vụ cộng đồng gắn với hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số; phối hợp hỗ trợ hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số" và Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

12. Báo và Phát thanh, truyền hình Hưng Yên và các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền thường xuyên, liên tục về mục đích, ý nghĩa, nội dung và kết quả thực hiện Đề án; góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Mở các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, tăng cường tin, bài, phóng sự, tọa đàm tuyên truyền về Phong trào "Bình dân học vụ số", chuyển đổi số và các kỹ năng số thiết yếu cho người dân.

- Kịp thời phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong triển khai Đề án; phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan xây dựng các sản phẩm truyền thông số, video hướng dẫn, infographic và các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng.

13. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường

- Căn cứ nội dung Đề án và tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả Phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn.

- Chỉ đạo đưa nội dung thực hiện Đề án vào chương trình công tác của cấp ủy, sinh hoạt chi bộ; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân học tập, nâng cao kỹ năng số.

- Phân công đảng viên tham gia thực hiện mô hình "Đảng viên kết nối với người dân"; phối hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức các hoạt động hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số.

- Chỉ đạo xây dựng, duy trì và khai thác hiệu quả các điểm "Bình dân học vụ số"; huy động các nguồn lực của địa phương để bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị và điều kiện phục vụ người dân học tập, thực hành kỹ năng số.

- Rà soát, kiện toàn Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, tổ dân phố; lựa chọn thành viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng hướng dẫn người dân.

- Chỉ đạo thực hiện khảo sát nhu cầu học tập kỹ năng số của người dân; định kỳ cập nhật kết quả thực hiện Đề án lên hệ thống theo dõi chung của tỉnh.

- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người dân về chất lượng hoạt động của các điểm "Bình dân học vụ số"; kịp thời điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức phù hợp với điều kiện thực tế.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định gửi về Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy.

14. Các doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức tham gia đồng hành

- Phối hợp với các cơ quan, địa phương tham gia hỗ trợ hạ tầng số, thiết bị, nền tảng số, học liệu và các giải pháp công nghệ phục vụ triển khai Đề án.

- Hỗ trợ tổ chức các chương trình tập huấn, trải nghiệm công nghệ, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số, thanh toán số, thương mại điện tử và các nền tảng số thiết yếu.

- Tham gia bảo trì, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị tại các điểm "Bình dân học vụ số"; đồng hành cùng địa phương trong triển khai các hoạt động phổ cập kỹ năng số.

- Đẩy nhanh phủ sóng 5G đồng bộ tại 100% khu vực dân cư và hỗ trợ các gói cước ưu đãi Data/Internet cáp quang cho các Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, điểm "Bình dân học vụ số".

15. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; định kỳ 06 tháng, hằng năm và khi có yêu cầu thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả triển khai Đề án gửi Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Đề án; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, sơ kết hằng năm, sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết Đề án vào năm 2030; đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

IV. KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, định kỳ, chuyên đề và đột xuất; tập trung vào tiến độ thực hiện, kết quả hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, hiệu quả hoạt động của mô hình "Đảng viên kết nối với người dân", các điểm "Bình dân học vụ số", việc huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực, kinh phí, trang thiết bị, học liệu và cơ sở dữ liệu phục vụ triển khai Đề án.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tự kiểm tra, đánh giá; định kỳ khảo sát nhu cầu, mức độ hài lòng và khả năng tiếp cận kỹ năng số của người dân; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập, đồng thời đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

V. SƠ KẾT, TỔNG KẾT VÀ KHEN THƯỞNG

- Định kỳ hằng năm tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 để đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn; tổ chức tổng kết Đề án vào năm 2030 để đánh giá toàn diện hiệu quả triển khai.

- Trên cơ sở kết quả sơ kết, tổng kết, lựa chọn và nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả; đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả mô hình sau năm 2030.

- Công tác thi đua, khen thưởng được thực hiện công khai, khách quan, đúng quy định; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các mô hình tiêu biểu, cách làm sáng tạo trong triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" và mô hình "Đảng viên kết nối với người dân".

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai Đề án; định kỳ tổng hợp tình hình, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện chế độ kiểm tra, đánh giá định kỳ và đột xuất; kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu; đồng thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc đánh giá kết quả thực hiện Đề án được thực hiện trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí của Đề án, gắn với đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu hằng năm.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy để tổng hợp, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng
- Ban Tuyên giáo Trung ương
} (để b/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên;
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY HƯNG YÊN

Ký bởi: Tỉnh ủy Hưng Yên
Thời gian ký: 19/09/2026 14:50:05

Trần Quốc Toản

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm